

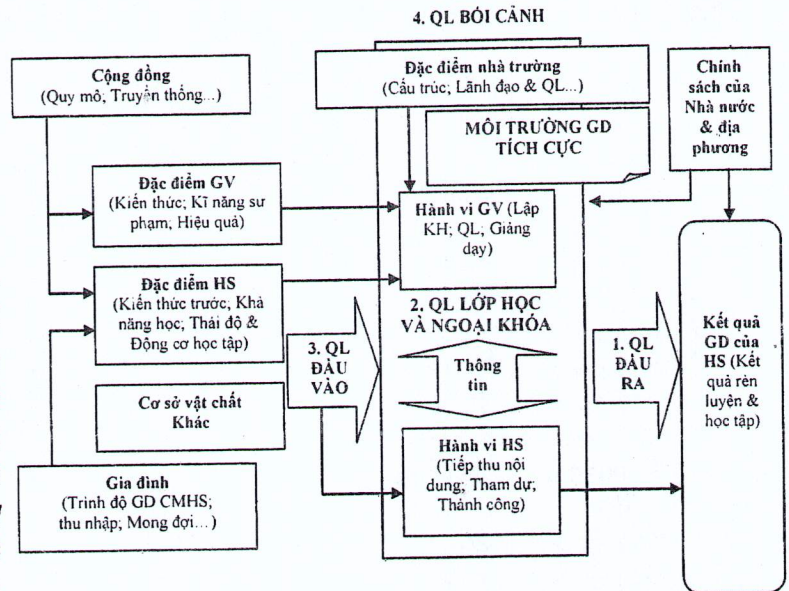
MÔ HÌNH VÀ NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN QUẢN LÝ DẠY HỌC THÀNH CÔNG CỦA TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. NGUYỄN VĂN SƠN*

1. Bản chất của quản lý dạy học (QLDH) của trường trung học phổ thông (THPT) là phát triển (thiết lập, thực hiện và điều chỉnh) môi trường giáo dục (GD) tích cực để nâng cao kết quả GD của học sinh (HS). Kết quả nghiên cứu và thực tế cho thấy: để phát triển thành công môi trường GD tích cực như thế nào chủ yếu phụ thuộc vào một số nhân tố tác động chính như sau: *Hành vi hay hoạt động của giáo viên (GV) và HS tại lớp học và hoạt động ngoại khóa; các đặc điểm của GV và HS trước khi bước vào lớp học mới; các đặc trưng của cộng đồng và gia đình HS; các chính sách, quy định của Nhà nước, địa phương và của nhà trường...*

Các nhân tố trên có mối quan hệ mật thiết và tác động lẫn nhau. Kết quả GD của HS phụ thuộc vào hành vi của HS, cũng như chính sách, quy định của Nhà nước, địa phương. Hành vi của HS lại chịu tác động bởi hành vi của GV cũng như các đặc điểm của HS trước khi vào lớp học mới. Hành vi của GV chịu tác động bởi hành vi của HS, các đặc điểm của GV và HS trước đó, cũng như chính sách, quy định của Nhà nước, địa phương và các đặc điểm của nhà trường. Các đặc điểm của GV và HS lại chịu tác động bởi nhân tố cộng đồng (như: quy mô, truyền thống...). Bên cạnh đó, các đặc điểm của HS còn chịu tác động của nhân tố gia đình (như: trình độ GD của cha mẹ học sinh (CMHS), thu nhập của gia đình, mong muốn của CMHS về học tập của HS...).

2. Dựa vào mô hình thực hiện của quá trình dạy học (DH) (bối cảnh - đầu vào - quá trình - đầu ra) và các nhân tố tác động đến thành công của QLDH của trường THPT ở trên, có thể khái quát mô hình quản lý (QL) (quá trình) DH của trường THPT về thực chất bao gồm 04 nhân tố: QL bối cảnh; QL đầu vào; QL lớp học và hoạt động ngoại khóa thông qua phát triển môi trường GD/học tập tích cực; QL đầu ra (xem sơ đồ 1).



Sơ đồ 1. Mô hình và các nhân tố chính tác động đến QL thành công (quá trình) DH của trường THPT

1) **QL đầu ra.** Đầu ra thường được thể hiện qua kết quả GD của HS và sau đó là mức độ phù hợp của HS khi học tập tiếp theo ở lớp trên cũng như kết quả thi và học tiếp đại học (với HS tốt nghiệp lớp 12). Đầu ra là một trong các thành tố quan trọng có tác động đến QLDH của trường THPT, vì đây chính là các chỉ số đánh giá thành công về kết quả GD của HS và là điểm bắt đầu để phân tích đánh giá thực trạng QLDH của trường THPT.

QL đầu ra đòi hỏi phải xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật định kỳ các thông tin về kết quả GD của HS qua các năm học cũng như sau khi tốt nghiệp. QL tốt đầu ra sẽ cung cấp thông tin quan trọng để đánh giá xem chất lượng GD nói chung và QLDH của trường THPT đã đạt tới mục tiêu GD và nhu cầu của cá nhân HS hay chưa.

2) **QL lớp học và hoạt động ngoại khóa.** Đây là thành tố quan trọng nhất của QLDH của trường THPT, vì suy cho cùng thì kết quả GD của HS chủ yếu phụ thuộc vào mức độ thành công của QL lớp học và hoạt động ngoại khóa. Thành tố này bao gồm tất cả các

* Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Tuyên Quang

nhân tố hay biến cố có thể xảy ra tại lớp học và trong các hoạt động ngoại khóa và thường được chia thành: môi trường GD, hành vi của GV, hành vi của HS và các nhân tố khác.

Nhân tố *môi trường GD* đóng vai trò quan trọng nhất trong QL lớp học và hoạt động ngoại khóa. Đặc trưng của một môi trường GD thành công thường là tham dự, hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau. Để xây dựng được môi trường GD như vậy đòi hỏi GV phải bố trí, trang hoàng lớp học, sắp xếp bàn ghế; giảng dạy và kiểm soát đáp ứng nhu cầu của HS; hình thành, thực hiện và điều chỉnh công việc giảng dạy hàng ngày cho phù hợp; phát triển các quy định, thủ tục và truyền tải chúng tới HS...

Hành vi của GV bao gồm tất cả các hoạt động của GV trong lớp học, hoạt động ngoại khóa và thường được chia thành: Lập kế hoạch, QL và giảng dạy. *Lập kế hoạch* liên quan đến các hoạt động tương tác với HS trong lớp học và hoạt động ngoại khóa. *QL* liên quan đến việc GV kiểm soát hành vi của HS. *Giảng dạy* liên quan đến hoạt động hướng dẫn và dẫn dắt HS học tập.

Hành vi của HS bao gồm tất cả các hoạt động của HS trong lớp học, hoạt động ngoại khóa và thường được thể hiện thông qua *tổng số thời gian học tập* dành cho các mục tiêu, các nhiệm vụ học tập và mức độ hoàn thành bài tập được giao (thường được đánh giá qua kết quả kiểm tra, thi, đánh giá...). Thời gian học tập bao gồm 03 biến số: Nội dung hay kiến thức học tập (được xếp chồng lên nhau), tham dự và thành công. *Nội dung học tập* được hiểu là tỉ lệ nắm được nội dung học tập tại lớp học và hoạt động ngoại khóa. *Tham dự* là tổng số thời gian HS thực sự tham dự vào quá trình học tập. *Thành công* là mức độ HS hoàn thành nhiệm vụ học tập và bài tập được giao. Các nhân tố này hết sức quan trọng để xây dựng chỉ số đánh giá QL lớp học, hoạt động ngoại khóa và thường dễ dàng đánh giá, ví dụ thông qua kết quả kiểm tra, thi, đánh giá.

Như vậy, *QL lớp học và hoạt động ngoại khóa* chủ yếu chính là cách hay các quy trình hoạt động được sử dụng để QL hoạt động của GV và HS để đạt tới mục tiêu và chiến lược DH của trường THPT. Hơn nữa, nó còn bao hàm việc xây dựng và QL việc thực hiện mục tiêu và nội dung chương trình DH. Tiếp theo, nó còn có nghĩa là QL và đảm bảo chất lượng DH, đó là việc phát hiện kịp thời các nguyên nhân đã dẫn đến tình trạng yếu kém để khắc phục kịp thời, đi đôi với một quy trình đảm bảo chất lượng thích hợp nhằm đảm bảo đạt được chất lượng DH theo yêu cầu.

Ngoài những nội dung QL chủ yếu trên, trường

THPT còn phải chú trọng đến các nội dung QL sau: QL việc kiểm tra, đánh giá để công nhận trình độ năng lực của HS; và QL các hoạt động ngoài lớp, ngoài nhà trường và QL, điều phối hoạt động của các tổ chức sư phạm trong nhà trường...

3) QL đầu vào. Đây là thành tố quan trọng tiếp theo của QLDH của trường THPT. Thành tố này liên quan đến chất lượng hay đặc điểm của GV và HS trước khi vào lớp học/năm học mới. Đây cũng chính là các nhân tố quan trọng tác động đến thành công của QL quá trình DH của trường THPT.

a) *Đặc điểm của GV* thường bao gồm các giá trị và niềm tin, kiến thức, tư duy và các kĩ năng giao tiếp, kĩ năng thực hiện, nhân cách... của GV. Đặc điểm quan trọng nhất của GV (để có dự đoán GV thực hiện trong lớp học và hoạt động ngoại khóa cũng như kết quả học tập đạt được của HS sẽ tốt như thế nào) là *giá trị và niềm tin* hay *hiệu quả* của GV. Tiếp theo là các nhân tố khác, như: *kiến thức* của GV liên quan đến môn học mà mình giảng dạy, *phát triển nhân cách HS* (các lí thuyết, các chủ đề và giai đoạn), *lí thuyết học tập* (hành vi/cách đối xử, nhận thức, xây dựng kiến thức, chủ nghĩa nhân văn, nhận thức xã hội), và *quá trình giảng dạy/học tập* (các khái niệm và nguyên tắc cũng như trải nghiệm/vận dụng trong thực tiễn.

GV là người làm công tác giảng dạy trong trường THPT nên còn phải có *trình độ chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng*. GV không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn là người tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, điều khiển hoạt động học tập của HS. Đây cũng là yếu tố cơ bản quyết định đến chất lượng DH. Thực tế cho thấy nếu chương trình, sách giáo khoa, điều kiện học tập tốt đến đâu mà GV non kém về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm thì quá trình DH đó không thể đem lại chất lượng tốt. Đặc biệt trong quá trình DH, GV phải là người điều khiển, khuyến khích và dẫn dắt đưa HS tiếp cận, khám phá một nội dung và kiến thức mới.

b) *Đặc điểm của HS* liên quan đến hành vi lớp học và thành tích của HS, như trình độ GD và khả năng lĩnh hội kiến thức, lứa tuổi, giới tính, động cơ, kiểu học, nhân cách, tư duy... Đây cũng chính là các nhân tố quan trọng tác động đến thành công của QLDH của trường THPT. Thực tế, trình độ GD của các HS trong cùng một lớp thường không đồng đều nhau và ngay cả với một HS thì cũng khác nhau với các lĩnh vực khác nhau. Các nghiên cứu về học tập cho thấy, khi thời gian dành cho học tập cần khác nhau phù hợp với kiến thức trước đây của

HS là quan trọng nhất. Vì vậy, cần có các nỗ lực để dành thời gian học tập phù hợp với các đối tượng HS khác nhau. Hơn nữa, *động cơ học tập* của HS cũng rất khác nhau. Động cơ học tập càng cao, càng rõ ràng thì khả năng thành công của chương trình, của khóa học càng lớn. Trong thực tế các mức độ động cơ học tập của HS không phải lúc nào cũng rõ ràng và động cơ học tập của từng cá nhân thay đổi từ bài học này so với bài học khác.

c) Ngoài ra, *đầu vào còn có nhân viên, ngân sách, cơ sở vật chất, công nghệ và trang thiết bị phục vụ quá trình DH, và các mục tiêu của trường THPT...* Trong DH, điều kiện cơ sở vật chất luôn có ảnh hưởng rất lớn đến việc học tập và là yếu tố không thể thiếu được trong quá trình DH. Đó là những điều kiện về sách giáo khoa, các phương tiện DH... Nếu thiếu các điều kiện trên thì cho dù GV có trình độ chuyên môn cao, phương pháp DH hay, HS tích cực, chủ động đến đâu chăng nữa thì kết quả DH cũng sẽ bị hạn chế, do đó chất lượng DH cũng bị ảnh hưởng.

Như vậy, **QL đầu vào** chính là các cách để đảm bảo các đặc điểm của GV và HS, cũng như cơ sở vật chất đáp ứng được các quy định đã đề ra và tương lai phát triển của nhà trường. QL đầu vào thường được thực hiện thông qua các chính sách và quy định (như: tuyển chọn, thăng tiến, đào tạo/bồi dưỡng, ...) về GV và quy định về HS, cũng như các quy định về cơ sở vật chất cần phải tuân thủ.

4) QL bối cảnh. Thành tố này bao gồm các nhân tố/biến số bên ngoài lớp học có ảnh hưởng đến đặc điểm của GV và HS, các quá trình DH tại lớp học và hoạt động ngoại khóa, và đầu ra. Trong đó, các đặc điểm của nhà trường và các quá trình hay hoạt động của nhà trường là các nhân tố tác động trực tiếp nhất.

Các đặc điểm của trường THPT bao gồm các biến số như *cấu trúc tổ chức* và khoa học cũng như *quy mô* nhà trường; còn các quá trình hay hoạt động của nhà trường bao gồm các nhân tố liên quan đến các hoạt động như *sự lãnh đạo/kiểm soát* và *môi trường GD của nhà trường*. Bên cạnh đó, còn nhiều nhân tố bối cảnh khác có ảnh hưởng đến QL quá trình DH, như: gia đình, cộng đồng, xã hội, văn hoá, các điều kiện quốc tế... Các biến số liên quan đến môi trường gia đình đặc biệt quan trọng và bao gồm: trình độ GD của CMHS, hoàn cảnh kinh tế - xã hội của gia đình, các đặc điểm khác của CMHS (như tuổi hay tình trạng hôn nhân), và nhóm các biến số khác, như tổng số công nghệ, số lượng sách, báo... tại gia đình.

Thực tế, một trong các nhân tố quan trọng để có thể dự đoán tốt nhất kết quả GD của HS là *trình độ GD của CMHS*. Thực tế, sự quan tâm và GD của CMHS đối với con em mình tại gia đình như thế nào phụ thuộc nhiều vào trình độ nhận thức và GD của CMHS. Tiếp theo, đó là nhân tố về *tổng số công nghệ tại gia đình*, do công nghệ trở thành nhân tố quan trọng trong xã hội hiện đại ngày nay và trẻ em càng gần gũi với công nghệ thì sẽ càng cảm thấy tự tin trong lớp học hiện đại (Aref, 2010; Epstein, 2007; và Community Involvement Board, 2006).

Biến số bối cảnh quan trọng khác là *cộng đồng* (vị trí địa lí, quy mô cộng đồng, chính sách về GD), các nhóm nghề nghiệp, xã hội (truyền hình/phim ảnh, các cơ quan xã hội...), chính sách quốc gia và địa phương, các điều kiện quốc tế/toàn cầu.

Như vậy, **QL bối cảnh** chủ yếu là thiết lập một cấu trúc tổ chức và khoa học hợp lí, đi đôi với việc phân chia trách nhiệm (chức năng và nhiệm vụ) và quyền hạn giữa các đơn vị trong tổ chức một cách phù hợp, và thiết lập được một môi trường GD/học tập tích cực để lôi cuốn tham dự của các bên liên quan vào hoạt động DH của trường THPT.

3. Trên đây trình bày và phân tích mô hình và các nhân tố chính/cơ bản tác động đến thành công của QLDH của trường THPT theo mô hình: QL bối cảnh - QL đầu vào - QL quá trình lớp học và hoạt động ngoại khóa - QL đầu ra. Các nhân tố này có mối quan hệ và tác động lẫn nhau, vì vậy, muốn QL thành công DH của nhà trường cần phải tác động đồng bộ lên tất cả các nhân tố này, tuy nhiên, có thể cần tập trung nhiều hơn vào nhân tố này hay nhân tố kia tùy thuộc vào từng bối cảnh cụ thể. Các nhân tố trên chính là cơ sở hay tiền đề quan trọng nhất để xây dựng *hệ thống/bộ tiêu chuẩn, tiêu chí và chỉ số đánh giá QL thành công của QLDH* của trường THPT. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tiến Hùng. "Quản lý quá trình dạy và học đại học". Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 35 - 9/2008; tr. 31-34.
2. Nguyễn Tiến Hùng. "Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý hiệu quả trường phổ thông". Tạp chí *Khoa học giáo dục*, số 72-09/ 2011; tr. 17-21.
3. Aref, A. *Community participation for educational planning and development*, Department of Science, Tehran Education, Ministry of Education, Iran. 2010.
4. Community Involvement Board. *Principles of*

(Xem tiếp trang 25)

giáo dục rắn đẽ nghiêm khắc là phương pháp hiệu quả trong giáo dục con cái.

Trong các nhà trường hiện nay vẫn chú trọng tập trung dạy kiến thức mà chưa chú trọng đến vấn đề chăm sóc TL học đường. Đối với giáo viên, hầu hết các thầy cô phụ trách một chuyên môn cụ thể, các thầy cô chưa được trang bị các kiến thức, kỹ năng về chăm sóc TL học đường, nên việc đáp ứng nhu cầu chưa hiệu quả. Giáo viên tư vấn học đường có chuyên môn hiện đang rất thiếu.

Phòng TL học đường là mô hình trợ giúp TL học đường cho các em HS. Ở đó, cán bộ TL học đường có nhiệm vụ phòng ngừa, sàng lọc và phát hiện sớm, can thiệp sớm những rối nhiễu tinh thần của HS, tư vấn giúp HS giải quyết các khó khăn TL gặp phải. Đồng thời, phòng cũng tư vấn cho phụ huynh HS và giáo viên của nhà trường giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình giáo dục HS. Tuy nhiên, trong các nhà trường hiện nay có rất ít trường có phòng TL học đường, chỉ mới có ở một số ít trường, tập trung ở các thành phố lớn.

Như vậy, theo chúng tôi, việc đáp ứng nhu cầu hỗ trợ, chăm sóc TL HS là chưa hiệu quả và thỏa đáng so với thực trạng nhu cầu cấp bách này ở các em. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Minh Đức. **Tham vấn tâm lý**. NXB Đại học quốc gia, H. 2005.
2. Dương Diệu Hoa (chủ biên) - Nguyễn Ánh Tuyết - Nguyễn Kế Hào - Phan Trọng Ngọ - Đỗ Thị Hạnh Phúc. **Giáo trình Tâm lý học phát triển**. NXB Đại học sư phạm, H. 2008.
3. Nguyễn Thị Mùi. Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ "Xây dựng mô hình phòng tham vấn học đường trong các trường trung học phổ thông". Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2009.
4. Trần Thị Lệ Thu. **Công tác tâm lý học đường tại Trường Đại học sư phạm Hà Nội và một số đề xuất về đào tạo cán bộ tâm lý học trường học tại Việt Nam**. Kỷ yếu Hội thảo nhu cầu, định hướng và đào tạo tâm lý học đường tại Việt Nam. Viện Tâm lý học, 2009; tr.312-319.
5. A.V. Petrovski. **Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm**, tập 1. NXB Giáo dục, H. 1998.

SUMMARY

Ages junior high school students is complex phases ages with physical and mental difficulties they encountered, and the need for counseling, psychological care of children is huge. The clarification of the areas where children often have problems, needs assessment, psychological support how they will help teachers, parents support children effectively in the process of development and perfection personified.

Mô hình và nhân tố tác động...

(Tiếp theo trang 7)

Community Engagement. Shaping Thurrock, September. 2006.

5. Epstein, J. L. "Improving family and community involvement", *Principal Leadership*, October 2007.

6. Huitt, W. *A Transactional Model of The Teaching and Learning Process*, Educational Psychology Interactive, Valdosta State University, Valdosta. 2003.

7. Lee, F. T. and Han, Y. B. (*Application of Effective Teaching and Learning Methods in Engineering Education*, Monash University Malaysia, Malaysia. 2005.

8. Nasseh, B. (*Changing Definition of Teaching and Learning*, Ball State University. 2001.

9. Sylvia, L. M. *What matters in plotting your journey to effective teaching and learning?* Jones & Bartlett Learning. 2010.

SUMMARY

The author analyzing model and basic factors influencing the success of teaching management at upper secondary schools: 1) Context management; 2) Input management; 3) Class and extra-curricular activity management; 4) Output management.

Nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực...

(Tiếp theo trang 22)

và thực tiễn. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2012.

3. Vũ Văn Phúc. **An sinh xã hội ở Việt Nam hướng tới 2020**. NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, H. 2012.

4. **Hội thảo khoa học quốc tế "Thực tiễn và hội nhập trong phát triển công tác xã hội ở Việt Nam"**. NXB Thanh niên, H. 2014.

5. P Spicker, 1993, *Poverty and social security*, Routledge - J Millar (ed), 2003, *Understanding social security*, Policy Press - R Walker, 2004, *Social security and welfare*, Open University Press.

6. R Griffiths. **Community care: agenda for action**. Department of Health and Social Security. 1988.

SUMMARY

Social welfare system is one of the part in the social development model to achieve the targets of wealthy people, powerful, democratic, equal and civilized country. This paper focuses on evaluating the demand of higher education training on social welfare, including identifying the training needs and necessity; suggested solutions for higher education education training on social welfare in Vietnam currently.